

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 22-02-2024
“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Ông Nguyễn Hồng Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh: Ông Sơn Nhựt Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị S, sinh năm 1959 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày và yêu cầu:

Tháng 01/2023 bà có cho bà Trương Thị S vay mượn số tiền 2.800.000 đồng, sau này khi thu mua dừa trái của bà S hàng tháng thì sẽ trừ vào số tiền này, đến tháng 10 năm 2023 bà S không cho bà thu hái dừa trừ tiền mà bán cho một người khác. Bà có nhiều lần yêu cầu bà S nếu không cho thu hái dừa thì phải hoàn trả số tiền đã nhận cho bà nhưng bà S hứa hẹn nhiều lần không trả, nay bà yêu cầu bà S phải trả số tiền 2.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trương Thị S trình bày:

Bà thừa nhận có nhận từ bà Nguyễn Thị L số tiền 2.800.000 đồng như bà L trình bày, tuy nhiên do khó khăn trong việc đi vào thu hái dứa vì sự hiểu lầm không đáng có chứ từ trước đến nay giữa bà và bà L không có mâu thuẫn gì với nhau, hiện kinh tế khó khăn nên chưa thể hoàn trả được số tiền đã nhận cho bà L. Nay bà đồng ý trả số tiền 2.800.000 đồng cho bà L và xin trả dần từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 5 âm lịch sẽ trả dứt điểm số tiền này cho bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai Tòa án thu thập, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 2.800.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện bà Trương Thị S yêu cầu trả số tiền 2.800.000 đồng. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Bị đơn cư trú tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã đưa nguyên đơn, bị đơn vào tham gia tố tụng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Được Kiểm sát viên giám sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa nhận định thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Trương Thị S phải trả số tiền 2.800.000 đồng do bà S đã nhận tiền nhưng không cho bà L thu hái dứa và không hoàn trả số tiền đã nhận. Xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận; Bồi lẽ: Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, tổng

đạt các văn bản tổ tụng thông báo cho bà S về yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà S không có ý kiến phản đối mà thừa nhận có nhận của bà L số tiền 2.800.000 đồng như bà L trình bày, bà đồng ý trả tiền cho bà L nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần cho bà L từ tháng 01/2023 cho đến tháng 5/2023 âm lịch sẽ trả dứt điểm (thể hiện ở bút lục số 19 - 20).

[4] Từ căn cứ đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Trương Thị S phải trả cho bà L số tiền 2.800.000 đồng. Bà L không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

[5] Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

[6] Về án phí: Bà Trương Thị S là người cao tuổi có đơn xin miễn, giảm án phí thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn nộp toàn bộ án phí. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463 Bộ luật Dân sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc bà Trương Thị S phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Trương Thị S.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký